



C. 填入聽到₂的生詞₁。

tián rù tīng dào de shēng cí

Listen and fill in the blanks with the vocabulary words you hear.

歷史₁
lì shǐ

尤其是₁
yóu qí shì

同意₁
tóng yì

專心₁
zhuān xīn

發生₁
fā shēng

海報₁
hǎi bào

氣候₁
qì hòu

美術₁
měi shù

1. 我們報告的內容包括韓國的位置、人口和_____。

2. 我們這一組選的是英國，除了地理，我們還會介紹他們的_____。

3. 歷史老師很幽默，說話很吸引人，所以我們都很_____。

4. 我比較喜歡_____課，像素描和水彩畫我都學過。